

Trường: TH Nguyễn Tri Phương
Lớp: 5.....
Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: TIẾNG VIỆT (Đọc hiểu)

Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo

I. Đọc thầm bài:

Cái gì quý nhất.

Một hôm, trên đường đi học về, Hùng, Quý và Nam trao đổi với nhau xem ở trên đời này, cái gì quý nhất.

Hùng nói: “Theo tớ, quý nhất là lúa gạo. Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không?”

Quý và Nam cho là có lí. Nhưng đi được mười bước, Quý vội reo lên: “Bạn Hùng nói không đúng. Quý nhất phải là vàng. Mọi người chẳng thường nói quý như vàng là gì? Có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo!”

Nam vội tiếp ngay: “Quý nhất là thì giờ. Thầy giáo thường nói thì giờ quý hơn vàng bạc. Có thì giờ mới làm ra được lúa gạo, vàng bạc!”

Cuộc tranh luận thật sôi nổi, người nào cũng có lí, không ai chịu ai. Hôm sau, ba bạn đến nhờ thầy giáo phân giải.

Nghe xong, thầy mỉm cười rồi nói:

- Lúa gạo quý vì ta phải đổ bao mồ hôi mới làm ra được. Vàng cũng quý vì nó rất đắt và hiếm. Còn thì giờ đã qua đi thì không lấy lại được, đáng quý lắm. Nhưng lúa gạo, vàng bạc, thì giờ vẫn chưa phải là quý nhất. Ai làm ra lúa gạo, ai biết dùng thì giờ? Đó chính là người lao động các em ạ. Không có người lao động thì không có lúa gạo, không có vàng bạc, nghĩa là tất cả mọi thứ đều không có, và thì giờ cũng trôi qua một cách vô vị mà thôi.

TRỊNH MẠNH.
(TV5-Tập 1/86)

II. Làm các bài tập sau:

Câu 1 (0.5điểm): Hùng, Quý và Nam, tranh luận với nhau về vấn đề gì? (Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng).

- A. cái gì đắt nhất. B. cái gì quý nhất. C. cái gì quan trọng nhất.

Câu 2 (0.5điểm): Thầy giáo có thái độ như thế nào trước ý kiến của Hùng, Quý và Nam? (Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng).

- A. có cách giải thích khác hợp lý hơn. B. cho rằng cả 3 bạn đều nói sai.
C. thống nhất hoàn toàn với ý kiến của 3 bạn.

Câu 3 (0.5điểm): Vì sao bạn Nam lại cho rằng thì giờ là quý nhất? *(Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng).*

A. vì thầy giáo nói thế.

B. vì có thì giờ mới làm ra lúa gạo.

C. vì có thì giờ mới làm ra được lúa gạo, vàng bạc.

Câu 4 (0.5điểm): Trong cuộc tranh luận, bạn Quý đã đưa ra ý kiến của mình như thế nào? *(Viết câu trả lời xuống dòng dưới)*

Câu 5 (1điểm): Thầy giáo đã đưa ra lí lẽ như thế nào để thuyết phục các bạn Hùng, Quý và Nam? *(Viết câu trả lời xuống dòng dưới)*

Câu 6 (1điểm): Ý nghĩa được khẳng định qua cuộc tranh luận là gì? Em rút ra được bài học gì trong khi trao đổi, tranh luận một đề nào đó với bạn? *(Viết câu trả lời xuống dòng dưới)*

Câu 7(0.5điểm): Dòng nào dưới đây gồm các danh từ nói về chủ điểm Việt Nam - Tổ quốc em? *(Khoanh tròn vào chữ cái trước ý đúng)*

A. Tổ quốc; quê hương; đất nước.

B. bảo vệ; quê hương; đất nước.

C. gìn giữ; đất nước; non sông.

Câu 8 (0.5điểm): Thành ngữ “*Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen*” thuộc chủ điểm nào? *(Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng)*

A. Việt Nam - Tổ quốc em.

B. Con người với thiên nhiên.

C. Cánh chim hòa bình.

Câu 9 (1 điểm): Viết lại các cặp từ trái nghĩa trong câu tục ngữ “*Mưa tránh trắng, nắng tránh thâm.*” xuống dòng dưới.

Câu 10 (1 điểm): Tìm 3 từ đồng nghĩa chỉ **màu xanh**. Đặt câu với 1 trong 3 từ vừa tìm được. *(Viết câu trả lời xuống dòng dưới)*

B. Phần kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết chính tả (2 điểm) – Thời gian 15 phút.

- GV viết tên bài: **Cái gì quý nhất**, lên bảng; đọc cho học sinh viết đoạn:

Hùng nói: “Theo tớ, quý nhất là lúa gạo. Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không?”

Quý và Nam cho là có lí. Nhưng đi được mười bước, Quý vội reo lên: “Bạn Hùng nói không đúng. Quý nhất phải là vàng. Mọi người chẳng thường nói quý như vàng là gì? Có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo!”

Nam vội tiếp ngay: “Quý nhất là thì giờ. Thầy giáo thường nói thì giờ quý hơn vàng bạc. Có thì giờ mới làm ra được lúa gạo, vàng bạc!”

2. Tập làm văn (8 điểm) – Thời gian 30-35p

Hãy tả cảnh sân trường em trước buổi học hoặc trong giờ ra chơi.

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5. GIỮA HỌC KÌ I

I. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

- Tiến hành trong các tiết ôn tập. (GV làm các phiếu ghi tên bài; đoạn cần kiểm tra và số trang; cho học sinh bốc thăm đọc bài và trả lời 1 câu hỏi theo nội dung đoạn-bài đọc, thuộc các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 9)

* Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu, giọng đọc có biểu cảm: 1 điểm

+ Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 0.25 điểm (Đọc quá 1 phút đến 1.5 phút: 0.25 điểm; đọc quá 1.5 phút: 0 điểm.)

+ Giọng đọc bước đầu có biểu cảm: 0.25 điểm (Giọng đọc chưa thể hiện rõ hoặc không thể hiện tính biểu cảm: 0 điểm.)

+ Đọc vừa đủ nghe: 0.25đ (Đọc nhỏ, lúc to lúc nhỏ: 0 điểm)

+ Đọc rõ ràng: 0.25đ (đọc ê a, kéo dài: 0 điểm)

* Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa; đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm

+ Đọc đúng tiếng, đúng từ: 0.5 điểm. (Đọc sai từ 6 đến 7 tiếng: được 0.25 điểm; đọc sai từ 8 tiếng trở lên: 0 điểm.)

+ Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa; 0.5 điểm.

(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 đến 3 chỗ, 1-2 cụm từ không rõ nghĩa: được 0.25 điểm; Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên, 3 cụm từ không rõ nghĩa trở lên: 0 điểm.)

* Trả lời đúng ý câu hỏi do GV nêu: 1 điểm

+ Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0.5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

2. Đọc hiểu: 7 điểm

Câu	Đáp án	Điểm	Ghi chú
1	B. cái gì quý nhất.	0.5đ	- HS chọn 2 đáp án, không ghi điểm.
2	A. có cách giải thích khác hợp lý hơn.	0.5	
3	C. vì có thì giờ mới làm ra được lúa gạo, vàng bạc.	0.5	
4	+ Quý nhất phải là vàng. Mọi người chẳng thường nói quý như vàng là gì? + Có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo!	0.5	
5	+ Trên đời này, người lao động là quý nhất, vì: - Người lao động làm ra lúa gạo, vàng bạc; - Biết sử dụng thì giờ có hiệu quả, không để nó trôi đi một cách vô nghĩa.	1đ	- HS có thể trình bày theo ý hoặc ghi dưới dạng đoạn. Nhưng khẳng định được người lao động là quý nhất (0.5đ); mỗi ý sau 0.25đ. Nếu HS ghi lại như SGK 0.5đ
6	+ Ý nghĩa được rút ra qua bài đọc: Người lao động	1đ	- Mỗi ý nêu đầy đủ

	là đáng quý nhất. + Khi tranh luận cần tôn trọng ý kiến của người cùng tham gia tranh luận. Nếu ý kiến không thống nhất thì cần nhờ người có hiểu biết hơn phân giải.		ghi 0.5 điểm. - Ở ý thứ 2 nếu HS có cách giải thích khác hợp lý vẫn ghi điểm tối đa của ý.
7	A. Tổ quốc; quê hương; đất nước	0.5đ	- HS chọn 2 đáp án, không ghi điểm.
8	B. Con người với thiên nhiên.	0.5đ	
9	Các cặp từ trái nghĩa trong câu tục ngữ là: + Mưa, nắng; + trắng, thâm.	1đ	- HS xác định được 01 cặp từ ghi 0.5đ
10	VD: xanh xanh, xanh biếc, xanh thẳm - Bầu trời xanh thẳm.	1đ	- HS tìm đủ số từ ghi 0.5đ. Đặt câu, đúng cấu trúc, rõ nghĩa: 0.5đ

II: PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Chính tả nghe viết (2 điểm).

- Tốc độ viết đạt yêu cầu; chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm.

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm.

- Các lỗi chính tả trong bài (Sai lần phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định) trừ điểm như sau:

- Lỗi thứ 6-7: trừ 0.25 điểm

- Lỗi thứ 8-9: trừ 0.5 điểm

- Lỗi thứ 10 trở lên: trừ 0.75 điểm

*** Lưu ý:**

- Những lỗi sai giống nhau chỉ trừ 01 lần điểm.

2. Tập làm văn (8 điểm).

- Học sinh viết được bài văn gồm đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài theo yêu cầu đã học.

- Xác định đúng yêu cầu của đề, câu văn dùng từ đúng, không sai ngữ pháp, chữ viết rõ ràng sạch sẽ.

a. Mở bài: Trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Giới thiệu được cảnh sẽ tả.

b. Thân bài:

- Tả được những nét nổi bật của sân trường trước giờ học hoặc trong giờ chơi theo trình tự không gian hoặc thời gian.

- Biết sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hóa... phối hợp tả cảnh với hoạt động con người.

c. Kết bài: Mở rộng hoặc không mở rộng.

- Nêu cảm nghĩ về cảnh được tả.

*** Cụ thể:**

TT	Điểm thành phần		Mức điểm			
			1,5	1	0,5	0
1	Mở bài (1điểm)					
2a	Thân bài (4 điểm)	Nội dung (1.5 điểm)				
2b		Kỹ năng (1.5 điểm)				
2c		Cảm xúc (1 điểm)				
3	Kết bài (1điểm)					
4	Chữ viết, chính tả (0.5điểm)					
5	Dùng từ đạt câu (0.5điểm)					
6	Sáng tạo (1điểm)					

** Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết để cho điểm theo các mức sau: 8 - 7.5 - 7 - 6.5 - 6 - 5.5 - 5 - 4.5 - 4 - 3.5 - 3 - 2.5 - 2 - 1.5 - 1 - 0.5*

Lưu ý:

** Điểm toàn bài là một điểm nguyên, không cho điểm 0 và điểm thập phân.*

** Làm tròn theo nguyên tắc 0.5 thành 1 điểm.*

** Chấm, chữa bài và nhận xét theo quy định tại TT số 22/2016/TT-BGDĐT.*